TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 395/2024/HC-PT Ngày: 23/7/2024 *V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Sỹ Hưng;

Bà Phan Thị Vân Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thẩm tra viên Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 95/2024/TLPT-HC ngày 04 tháng 3 năm 2024 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 134/2022/HC-ST ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7461/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trần Bá N, sinh năm 1950; địa chỉ: P1201, Tòa nhà N03-T2, khu N, phường X, quận B, thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

Người đại diện: Ông Dương Đức T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2.2. Ủy ban nhân dân quận B, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

3.2. Ủy ban nhân dân phường C, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện: Ông Cấn Văn D – Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.3. Bà Nguyễn Minh H, anh Trần An Q, chị Chu Thị Tuyết N, cháu Trần Phú A, cháu Trần Phương L1, anh Trần Mạnh T, chị Trần Phương L2, cháu Trần Đức T và cháu Trần Quỳnh A; cùng nơi ở: P1201, Tòa nhà N03-T2, khu N, phường X, quận B, thành phố Hà Nội; đều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Minh H, anh Trần An Q, chị Chu Thị Tuyết N, cháu Trần Phú A, cháu Trần Phương L1, anh Trần Mạnh T, chị Trần Phương L2, cháu Trần Đức T và cháu Trần Quỳnh A: Ông Trần Bá N, sinh năm 1950; địa chỉ: P1201, Tòa nhà N03-T2, khu N, phường X, quận B, thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo người khởi kiện ông Trần Bá N trình bày:

Năm 2017, để thực hiện dự án đầu tư mở rộng đường Vành đai III đoạn M - Cầu T, gia đình ông Trần Bá N bị thu hồi 124,9m^2 đất ở. Tuy nhiên, căn cứ Quyết định thu hồi đất số 4722/QĐ-UBND và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết số 4747/QĐ-UBND, UBND quận B chỉ thực hiện bồi thường đối với 109,2m^2 đất ở; còn 15,7m^2 đất không được bồi thường với lý do đây là phần đất lấn ra đường P và không cho gia đình ông N được hưởng tái định cư.

Ngày 03/7/2017, ông N đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND quận B yêu cầu: Chi trả tiền bồi thường đối với 15,7m^2 đất bị thu hồi nhưng chưa được bồi thường và đề nghị được cấp 01 căn hộ tái định cư cho gia đình ông N. Ngày 02/11/2017, Chủ tịch UBND quận B đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 8427/QĐ-UBND với nội dung giữ nguyên nội dung của quyết định thu hồi đất với quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết đối với hộ gia đình ông N.

Ngày 24/12/2017, ông N tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội. Ngày 25/05/2018, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 2579/QĐ-UBND, nội dung: *"Giao Ủy ban nhân dân quận B điều chỉnh các Quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; giải quyết khiếu nại của ông Trần Bá N (liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án mở rộng đường Vành đai 3, đoạn M - Cầu T, quận B) theo hướng: trong 15,7m^2 đất ông*

N đề nghị được bồi thường theo giá đất ở, có 2,4m^2 đất có nguồn gốc đất ở, sử dụng ổn định không tranh chấp từ trước ngày 15/10/1993 đủ điều kiện được bồi thường theo giá đất ở và 13,3m^2 không được bồi thường về đất". Ông N nhận thấy việc các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền không cho gia đình ông N bồi thường tái định cư là không đúng quy định và việc không bồi thường đối với 13,3m^2 đất bị thu hồi là trái quy định pháp luật, chưa phù hợp với thực tế, đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông N. Bởi các lý do sau:

Năm 1986, gia đình ông N cùng với bà Đặng Thị Thu T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất tại xóm 6B, xã C, huyện T, thành phố Hà Nội từ bà Đàm Thị Y *(có Giấy chuyển nhượng ngày 13/11/1986).* Ngày 30/10/1986, hai gia đình đã tự phân chia ranh giới sử dụng đất trong tổng diện tích nhận chuyển nhượng. Theo đó, gia đình ông N được quyền sử dụng 165m^2 đất *(Bản đồ năm 1994 đã ghi nhận).* Kể từ thời điểm nhận chuyển nhượng đến khi Nhà nước thu hồi đất, gia đình ông N đã sử dụng đất ổn định, lâu dài, không có bất kỳ tranh chấp nào và đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước cho toàn bộ 165 m^2 đất nêu trên *(Từ năm 2006 đến năm 2010).* Theo đó, phần diện tích đất bị thu hồi (124,9m^2) nằm trọn trong 165m^2 đất thuộc quyền sở hữu của gia đình ông N. Vì vậy, gia đình ông N phải được bồi thường toàn bộ diện tích đất bị thu hồi.

Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội nhận định *"13,3m^2 đất còn lại nằm trong lưu không đường P nên không được bồi thường"* là không đúng. Bởi từ thời điểm sử dụng đến khi thu hồi, chưa có bất cứ văn bản pháp lý nào thể hiện phần diện tích này nằm trong phần lưu không đường P. Hơn nữa, Bản đồ năm 1994 lưu tại UBND phường C cũng không thể hiện nội dung này.

Ông Trần Bá N khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội:

Hủy bỏ một phần Quyết định số 2579/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội liên quan đến nội dung: Không bồi thường đối với 13,3m^2 đất nằm trong diện tích đất bị thu hồi với lý do đất nằm trong phần lưu không đường P;

Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội sửa đổi Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 2579/QĐ-UBND với nội dung: Giao Ủy ban nhân dân quận B điều chỉnh Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ theo hướng: Chi trả tiền bồi thường đối với 13,3m^2 đất đã bị thu hồi mà không được bồi thường và bố trí tái định cư.

Tại phiên tòa, ông N bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị Ủy ban nhân dân quận B điều chỉnh Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ theo hướng: Chi trả tiền bồi thường đối với 13,3m^2 đất đã bị thu

hồi mà không được bồi thường và bố trí tái định cư.

Theo người bị kiện là Chủ tịch UBND quận B và UBND quận B trình bày:

Thực hiện chỉ đạo của Thành ủy Hà Nội tại Thông báo số 124-TB/TU ngày 04/5/2016 và của UBND thành phố Hà Nội tại Văn bản số 2689/UBND-ĐT ngày 12/5/2016 về việc triển khai dự án đầu tư mở rộng đường Vành đai 3 (đoạn M - Cầu T) trên địa bàn thành phố Hà Nội và các quy định pháp luật về đất đai và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. UBND quận B đã thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Quận và thành lập tổ công tác dự án, đồng thời giao và chỉ đạo Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quận B phối hợp với các đơn vị liên quan khẩn trương thực hiện công tác thu hồi đất và công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với người sử dụng đất và chủ sở hữu tài sản trên đất nằm trong chỉ giới thu hồi đất để thực hiện dự án theo chỉ đạo của thành phố.

Trong số người sử dụng đất có đất thu hồi tại Dự án có ông Trần Bá N và vợ là bà Nguyễn Minh H. Trên cơ sở Biên bản điều tra đo đạc kiểm đếm hiện trạng của tổ công tác dự án, giấy tờ do người sử dụng đất cung cấp, hồ sơ quản lý đất đai lưu tại UBND phường và hồ sơ liên quan, UBND phường C đã xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng đất đối với ông N và bà H. Giấy xác nhận thể hiện nội dung như sau:

Tổng diện tích 163,3m^2 đất hộ gia đình đang sử dụng có: 147,6m^2 đất thuộc thửa đất số 30, tờ bản đồ số 62, Bản đồ đo vẽ năm 1994 tại xã C *(nay là phường C)* là đất ở đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H1846 cho ông Trần Bá N và bà Nguyễn Minh H tại Quyết định số 1997/QĐ-UB ngày 08/8/2006; có 15,7m^2 đất thuộc một phần thửa đất số 61, tờ bản đồ số 62, Bản đồ đo vẽ năm 1994 tại xã C *(nay là phường C)* là đất giao thông *(đường P).*

Trong tổng diện tích 163,3m^2 đất hộ gia đình đang sử dụng có: 124,9m^2 đất nằm trong chỉ giới thu hồi đất tại dự án *(Gồm: 109,2m^2 đất ở và 15,7m^2 đất giao thông đường P)*; 38,4m^2 đất nằm ngoài chỉ giới thu hồi đất tại dự án.

UBND quận B đã ban hành quyết định thu hồi đối với diện tích 124,9m^2 đất của ông N và bà H để thực hiện Dự án.

Về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Trên cơ sở xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và thời điểm xây dựng công trình của UBND phường C đối với ông N và bà H và căn cứ quy định pháp luật hiện hành, UBND quận B đã ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất do ông Trần Bá N và

bà Nguyễn Minh H; ông Trần Mạnh T và bà Trần Phương L2; ông Trần An Q có hộ khẩu thường trú tại phường C, quận B sử dụng để thực hiện Dự án trên địa bàn quận B tại Quyết định số 4747/QĐ-UBND, Quyết định số 4748/QĐ-UBND, Quyết định số 4749/QĐ-UBND ngày 26/6/2017. Cụ thể như sau:

Bồi thường về đất:

Vị trí thửa đất được cấp GCNQSDĐ ở được xác định là vị trí 1 đường P *(do thửa đất tiếp giáp trực tiếp với đường P)* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND thành phố Hà Nội và giá đất cụ thể tại vị trí 1 đường P đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 3898/QĐ-UBND ngày 15/7/2016 là 65.670.000 đồng/m^2.

Phương án bồi thường đất như sau:

- 124,9m^2*(đất ở)* x 65.670.000đồng/m^2 x 100% = 7.171.164.000 đồng

- 15,7m^2 đất giao thông đường P

UBND quận B xác định phương án bồi thường đất đối với ông N và bà H đã được UBND quận B phê duyệt tại Quyết định số 4747/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 75, Điều 79, Điều 82 Luật Đất đai năm 2013, Điều 6 và khoản 4 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Điều 5 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 39/3/2017 và Quyết định số 3898/QĐ-UBND ngày 15/7/2016 của UBND thành phố Hà Nội.

Bồi thường, hỗ trợ tài sản gắn liền với đất: Đối với hộ gia đình ông N và bà H: Theo Giấy xác nhận của UBND phường C thì các công trình xây dựng gắn liền với đất nằm trong chỉ giới thu hồi đất tại Dự án được gia đình xây dựng và hoàn thành từ sau ngày 15/10/1993 đến trước năm 2000. Do vậy, các công trình xây dựng gắn liền với đất được bồi thường bằng 100% đơn giá xây dựng công trình mới.

Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác: Theo Giấy xác nhận ngày 30/9/2016 của Công an phường C cho thấy: Tại địa chỉ thu hồi đất có 03 hộ với 10 nhân khẩu đang trực tiếp sinh sống và diện tích đất còn lại 38,4m^2. Do vậy, UBND quận B đã phê duyệt các khoản bồi thường, hỗ trợ khác gồm: Bồi thường chi phí di chuyển và hỗ trợ ổn định đời sống *(06 tháng)* và theo quy định tại khoản 1 Điều 15 và khoản 1 Điều 24 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/03/2017 của UBND thành phố Hà Nội. Như vậy, phương án các khoản bồi thường, hỗ trợ khác đối với ông N và bà H đã được UBND quận B phê duyệt tại Quyết định số 4747/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 và Quyết định số 3079/QĐ-UBND ngày 22/6/2018 là đúng với quy định pháp luật tại thời điểm phê duyệt.

Về tái định cư: Ông N và bà H đang sử dụng diện tích 163,3m^2 đất *(Trong đó: 124,9m^2 đất thu hồi tại dự án và 38,4m^2 đất còn lại ngoài chỉ giới GPMB)*. Do vậy, hộ gia đình ông N không đủ điều kiện bố trí tái định cư theo quy định tại Điều 7 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/03/2017 của UBND thành phố Hà Nội.

Về giải quyết đơn thư khiếu nại, UBND quận B nhận được đơn của ông N về việc khiếu nại Quyết định số 4722/QĐ-UBND và Quyết định số 4747/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 của UBND quận B về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với ông N và bà H để thực hiện Dự án.

Ngày 02/11/2017, Chủ tịch UBND quận B ban hành Quyết định số 8427/QĐ-UBND v/v giải quyết khiếu nại của ông N *(lần đầu)*; nội dung: Giữ nguyên Quyết định số 4722/QĐ-UBND và Quyết định số 4747/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 của UBND quận B về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với ông N và bà H.

Ông N không đồng ý với nội dung giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND quận B và tiếp tục có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội.

Ngày 25/5/2018, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 2579/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Bá N *(lần hai)*, có nội dung: Điều chỉnh Quyết định số 4722/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 của UBND quận B về việc thu hồi đất. Điều chỉnh phương án bồi thường về đất theo hướng: Trong diện tích 15,7m^2 đất có 2,4m^2 đất là đất ở, sử dụng ổn định không tranh chấp từ trước ngày 15/10/1993, đủ điều kiện được bồi thường theo giá đất ở và 13,3m^2 không được bồi thường về đất.

Ngày 28/8/2018, UBND quận B đã ban hành Quyết định số 4703/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án điều chỉnh bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với ông N và bà H.

Ngày 05/11/2021, UBND quận B đã ban hành Quyết định số 4060/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 4722/QĐ-UBND ngày 26/6/2017. Tuy nhiên, ông N không đồng ý với các quyết định nêu trên.

Chủ tịch và UBND quận B thống nhất với nội dung giải quyết khiếu nại của UBND thành phố Hà Nội, đề nghị Tòa án xử không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Bá N.

Theo người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội trình bày:

Ông Trần Bá N khiếu nại Quyết định số 8427/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của Chủ tịch UBND quận B về giải quyết khiếu nại liên quan đến thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án; đề

nghị được bồi thường theo giá đất ở đối với diện tích 15,7m^2 gia đình sử dụng (không nằm trong diện tích đất đã được cấp GCNQSDĐ) và được bố trí tái định cư bằng nhà khi Nhà nước thu hồi đất.

Ngày 02/11/2017, Chủ tịch UBND quận B ban hành Quyết định số 8427/QĐ-UBND giải quyết đơn khiếu nại của ông N, trong đó có nội dung: *...Diện tích 15,7m^2 đất gia đình ông N sử dụng tăng so với Giấy chứng nhận quyên sử dụng đất do sử dụng ra đường P... UBND quận B đã bồi thường, hỗ trợ đối với ông Trần Bá N đã không tính bồi thường đối với diện tích 15,7m^2 đất là đúng quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.*

Hộ gia đình ông Trần Bá N bị thu hồi 124,9m^2 đất, diện tích còn lại sau thu hồi là 38,4m^2 đủ điều kiện để ở. Do đó, hộ gia đình ông Trần Bá N không được bồi thường bằng nhà ở là đúng quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 1 Điều 7 Quyết định 10/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND Thành phố. Ông Trần Bá N đề nghị được bồi thường nhà tái định cư là không có cơ sở.

Căn cứ hồ sơ quản lý đất đai, báo cáo của UBND phường C cho thấy, hộ gia đình ông N sử dụng diện tích 163,3m^2 đất có nguồn gốc: do ông Nguyễn Hữu Tích chuyển nhượng cho bà Đàm Thị Y năm 1985. Năm 1986, bà Đàm Thị Y chuyển nhượng cho bà Nguyễn Minh H và bà Đặng Thị Thu T (theo giấy chuyển nhượng ngày 13/11/1986, không có diện tích, số thửa). Ngày 30/10/1991, bà H và bà T có bản phân chia ranh giới thửa đất của 02 hộ gia đình (có sơ đồ kèm theo bản phân chia), việc mua bán chuyển nhượng và phân chia không có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Gia đình bà H sử dụng từ thời điểm mua bán chuyển nhượng, có ranh giới rõ ràng, không có tranh chấp với các hộ liền kề. Năm 2006, UBND huyện T đã cấp GCNQSDĐ ở cho hộ gia đình ông N với diện tích 147m^2.

Căn cứ GCNQSDĐ ở số HI 846 ngày 08/8/2006 của UBND huyện T (trước đây) cấp cho hộ gia đình ông N, bằng phương pháp so sánh bản đo đạc hiện trạng thửa đất với bản đồ địa chính năm 1994, cho thấy: tổng diện tích đất gia đình ông N đang sử dụng 163,3m^2; diện tích đất thu hồi: 124,9m^2, trong đó: 109,2m^2 đã được cấp GCNQSDĐ ở và 2,4m^2 đất thuộc thửa 30, bản đồ năm 1994, sử dụng tăng so với GCNQSDĐ ở (lý do: thửa đất tiếp giáp với đường P có một cạnh chéo, khi đo đạc để lập hồ sơ cấp GCNQSDĐ đã không đo phần cạnh chéo này, dẫn đến chênh lệch diện tích giữa hồ sơ địa chính, thực tế sử dụng với diện tích cấp GCNQSDĐ ở đã cấp), và 13,3m^2 nằm trong lưu không đường P thuộc một phần thửa đất số 61.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày

15/5/2014 của Chính phủ, thì diện tích đất gia đình ông N sử dụng bị thu hồi (có 109,2m^2 đã được cấp GCNQSDĐ ở và 2,4m^2 đất sử dụng tăng so với GCNQSDĐ đất ở thuộc thửa 30, bản đồ năm 1994) đủ điều kiện để được bồi thường theo giá đất ở (UBND quận B đã bồi thường về đất diện tích 109,2m^2, chưa bồi thường về đất diện tích 2,4m^2 cho hộ gia đình ông N); 13,3m^2 nằm trong lưu không đường P thuộc một phần thửa đất số 61, không được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 4, Điều 12, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP. Do vậy, ông N đề nghị được bồi thường theo giá đất ở đối với diện tích 2,4m^2 là khiếu nại đúng; đối với diện tích 13,3m^2 là khiếu nại sai.

Diện tích đất còn lại của hộ gia đình ông N sau thu hồi là: 38,4m^2 (có 37,8m^2 đã cấp GCNQSDĐ ở) đủ điều kiện xây dựng và để ở theo quy định. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Quyết định số 10/2017/QD-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội, thì hộ gia đình ông N không đủ điều kiện để được bố trí tái định cư. Do vậy, việc ông N đề nghị được bố trí tái định cư bằng nhà khi Nhà nước thu hồi đất là không có cơ sở.

Ngày 25/5/2018, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 đối với khiếu nại của ông N trong đó có nội dung: Giao UBND quận B điều chỉnh các Quyết định thu hồi đất; phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; giải quyết khiếu nại của ông N (liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án) theo hướng: trong 15,7m^2 đất ông N đề nghị được bồi thường theo giá đất ở, có 2,4m^2 đất có nguồn là đất ở, sử dụng ổn định không tranh chấp từ trước ngày 15/10/1993 đủ điều kiện được bồi thường theo giá đất ở và 13,3m^2 không được bồi thường về đất.

Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội khẳng định nội dung giải quyết khiếu nại là đúng, đã đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho gia đình ông N nên đề nghị Toà án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Bá N.

Theo người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND phường C trình bày: UBND quận B ban hành Quyết định số 4722/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 về việc thu hồi đất đối với ông Trần Bá N và bà Nguyễn Minh H là đúng quy định của pháp luật.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Minh H, anh Trần An Q, chị Chu Thị Tuyết N, 2 cháu Trần Phú A và Trần Phương L1 (do anh Q, chị N làm người đại diện theo pháp luật), anh Trần Mạnh T, chị Trần Phương L2, 2 cháu Trần Đức T và Trần Quỳnh A (do anh T và chị L2 làm người đại diện theo pháp luật) thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Bá N.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 134/2022/HC-ST ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định :

Áp dụng khoản 1 Điều 3, Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 158; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Điều 66, Điều 67, Điều 69; Điều 71; khoản 1 Điều 75 và khoản 1 Điều 79; khoản 3 Điều 82; khoản 1 Điều 88 và khoản 1, khoản 2 Điều 89 Luật Đất đai năm 2013; Điều 31 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; khoản 1, khoản 3 Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và điểm a khoản 1 Điều 12 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/03/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội. Luật Người cao tuổi; Luật Phí và Lệ phí và Nghị định số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Bác các yêu cầu khởi kiện của ông Trần Bá N.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, người khởi kiện là ông Trần Bá N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Trần Bá N đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của ông Trần Bá N và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Ngày 26/9/2018, ông Trần Bá N khởi kiện và khởi kiện bổ sung đề nghị Tòa án hủy một phần Quyết định số 2579/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại lần 2 liên quan đến nội dung không bồi thường đối với 13,3m^2 đất nằm trong diện tích đất bị thu hồi; đề nghị sửa đổi Quyết định số 2579/QĐ-UBND là giao UBND quận B điều chỉnh quyết định thu hồi đất về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ theo hướng chi trả tiền bồi thường đối với 13,3m^2 đất và bố trí tái

định cư. Khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 30, Điều 32 và Điều 116 Luật Tố tụng hành chính là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trần Bá N bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị UBND quận B điều chỉnh quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ theo hướng: Chi trả tiền bồi thường đối với 13,3m^2 đất đã bị thu hồi mà không được bồi thường và bố trí tái định cư nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định UBND quận B là người bị kiện có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các quyết định hành chính có liên quan: Quyết định số 4722/QĐ-UBND, Quyết định số 4747/QĐ-UBND, Quyết định số 4748/QĐ-UBND, Quyết định số 4749/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 của UBND quận B về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình ông N; Quyết định số 4060/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 điều chỉnh Quyết định số 4722/QĐ-UBND ngày 26/6/2012; Quyết định số 4703/QĐ-UBND ngày 28/8/2018, Quyết định số 3079/QĐ-UBND ngày 22/6/2018 về phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và Quyết định số 8427/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết khiếu nại lần 1 là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét tính hợp pháp Quyết định số 2579/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại và các quyết định có liên quan.

[2.1] Về thẩm quyền ban hành: Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 2579/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 về việc giải quyết khiếu nại lần 2 đối với ông N là đúng quy định tại Điều 21 Luật Khiếu nại. Chủ tịch UBND quận B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 số 8427/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 là đúng quy định tại Điều 17 Luật Khiếu nại. UBND quận B ban hành các quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình ông N là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

[2.2] Về trình tự, thủ tục ban hành các quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; quyết định giải quyết khiếu nại đối với ông N:

Thực hiện Dự án đầu tư mở rộng đường vành đai III đoạn M - Cầu T nhằm phục vụ lợi ích công cộng, UBND quận B đã thực hiện các thủ tục: Ban hành thông báo thu hồi đất, thành lập Hội đồng bồi thường và tổ công tác giải phóng mặt bằng, niêm yết công khai các văn bản pháp lý về thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ, phát tờ kê khai đến người sử dụng đất nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng, lập biên bản điều tra, kiểm đếm hiện trạng sử dụng đất, xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, lập Phương án bồi thường chi tiết đối với từng hộ

gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi. Theo Quyết định số 4722/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 thì ông N và bà H bị thu hồi 124,9m^2 đất trong đó có 109,2m^2 đất ở đã được cấp GCNQSDĐ và 15,7m^2 đất lấn ra đường P. Theo Quyết định số 4747/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ ông N và bà H thì chỉ được bồi thường, hỗ trợ 109,2m^2 đất ở và 15,7m^2 đất không bồi thường. Không đồng ý với Quyết định số 4722/QĐ-UBND và Quyết định số 4747/QĐ-UBND, ông N đã khiếu nại; Chủ tịch UBND quận B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 8427/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 có nội dung giữ nguyên Quyết định số 4722/QĐ-UBND và Quyết định số 4747/QĐ-UBND. Ông N tiếp tục khiếu nại; ngày 25/5/2018, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 2579/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần 2 đối với ông N có nội dung: Giao UBND quận B điều chỉnh các quyết định thu hồi đất; phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; giải quyết khiếu nại theo hướng: Trong 15,7m^2 đất ông N đề nghị được bồi thường theo giá đất ở, có 2,4m^2 đất có nguồn gốc đất ở đủ điều kiện được bồi thường theo giá đất ở và 13,3m^2 không được bồi thường về đất. Tại Quyết định phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 4703/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 của UBND quận B đã phê duyệt điều chỉnh tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ cho ông N và bà H 8.579.028.941 đồng. Như vậy, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; quyết định giải quyết khiếu nại đối với ông N và bà H là đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 66, Điều 67, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

[2.3] Đối với phần diện tích 13,3m^2 đất không được bồi thường, hỗ trợ:

Theo biên bản điều tra hiện trạng của tổ công tác Dự án cho thấy: Tại thời điểm thu hồi đất để thực hiện Dự án, hộ gia đình ông N và bà H đang sử dụng diện tích 163,3m^2 đất. Trong đó, diện tích đất thu hồi tại dự án: 124,9m^2, diện tích đất còn lại: 38,4m^2.

Theo xác nhận nguồn gốc đất của UBND phường C và kết quả giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội thể hiện:

Trên cơ sở chồng lớp giữa bản vẽ hiện trạng vị trí, hình thể thửa đất với Bản đồ đo vẽ năm 1994 cho thấy: Tổng diện tích 163,3m^2 đất hộ ông N đang sử dụng có: 150,0m^2 đất thuộc thửa đất số 30, tờ bản đồ số 62, Bản đồ đo vẽ năm 1994 tại xã C *(nay là phường C)* là đất ở *(Trong đó: 147m^2 đất đã được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ tại Quyết định số 1997/QĐ-UB ngày 08/8/2006. Hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho thấy: Ông Trần Bá N đề nghị cấp theo hiện trạng tại thời điểm năm 2006 với diện tích 147,2m^2 và 3,0m^2 đất nhưng chưa được cấp GCNQSDĐ)*. Phần diện tích đất này đủ điều kiện được bồi thường về đất theo

quy định tại Điều 74, Điều 75, Điều 79 Luật Đất đai năm 2013; Điều 6 và khoản 2 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Diện tích 13,3m^2 đất (không thể hiện trên GCNQSDĐ và nằm ngoài ranh giới thửa đất ở theo Bản đồ đo vẽ năm 1994) thuộc một phần thửa đất số 61, tờ bản đồ số 62, Bản đồ đo vẽ năm 1994 tại xã C (nay là phường C*)* là đất giao thông (đường P). Phần diện tích đất này không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định tại Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 4 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Quyết định số 2579/QĐ-UBND đã giao UBND quận B điều chỉnh các quyết định thu hồi đất; phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; giải quyết khiếu nại theo hướng: Trong 15,7m^2 đất ông N đề nghị được bồi thường theo giá đất ở, có 2,4m^2 đất có nguồn gốc đất ở đủ điều kiện được bồi thường theo giá đất ở và 13,3m^2 không được bồi thường về đất là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N đề nghị hủy một phần Quyết định số 2579/QĐ-UBND liên quan đến nội dung không bồi thường đối với 13,3m^2 đất nằm trong diện tích đất bị thu hồi; đề nghị sửa đổi Quyết định số 2579/QĐ-UBND là giao UBND quận B điều chỉnh quyết định thu hồi đất về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ theo hướng chi trả tiền bồi thường đối với 13,3m^2 đất là có căn cứ.

[3]. Về yêu cầu bồi thường tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất:

Hộ gia đình ông N bị thu hồi một phần thửa đất ở, phần diện tích đất ở còn lại nằm ngoài chỉ giới thu hồi đất tại Dự án là 38,4m^2. Do vậy, hộ gia đình ông N không đủ điều kiện được bồi thường bằng căn hộ chung cư nhà tái định cư theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 7 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội.

Theo xác nhận của Công an và UBND phường C cho thấy: Tại địa chỉ thu hồi đất, hộ gia đình ông N có 10 nhân khẩu với 03 sổ hộ khẩu. Tuy nhiên, hộ gia đình ông N chỉ bị thu hồi một phần thửa đất ở, phần diện tích đất ở còn lại 38,4m^2 đủ điều kiện để ở theo quy định tại Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 06/5/2011 của UBND thành phố Hà Nội. Do vậy, các hộ gia đình đang sinh sống tại thửa đất không đủ điều kiện được xem xét bán bổ sung căn hộ chung cư nhà tái định cư theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Điều 26 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội. Vì vậy, UBND quận B không phê duyệt phương án tái định cư đối với hộ gia đình ông N cũng như các hộ gia đình đang sinh sống tại thửa đất là đúng quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N đề nghị cấp tái định cư là có căn cứ.

UBND quận B đã ban hành các quyết định: Quyết định số 4748/QĐ-UBND, Quyết định số 4749/QĐ-UBND, Quyết định số 4060/QĐ-UBND, Quyết định số 4703/QĐ-UBND, Quyết định số 3079/QĐ-UBND là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông N không xuất trình được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu của mình. Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm quyết định không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc không chấp nhận kháng cáo của ông N và giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở, được chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do ông Trần Bá N là người cao tuổi thuộc diện được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án nên Hội đồng xét xử quyết định miễn nộp toàn bộ án phí hành chính phúc thẩm cho ông Trần Bá N.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Bá N; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 134/2022/HC-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Trần Bá N được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Vân Hương **Hồ Sỹ Hưng** **Lê Thị Thúy Bình**